

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TTBTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: TRƯỜNG THCS&THPT QUÀI TỖ

Chương: 422

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-THCS&THPTQT ngày / /2026 của Trường THCS&THPT Quài Tỗ)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Thực hiện Quý I năm 2026	So sánh	
				Dự toán (tỷ lệ %)	Cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	26,080,230,000	5,001,128,795	19%	89%
I	Nguồn ngân sách trong nước	26,080,230,000	5,001,128,795	19%	89%
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	26,080,230,000	5,001,128,795	19%	89%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Thực hiện Quý I năm 2026	So sánh	
				Dự toán (tỷ lệ %)	Cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	26,080,230,000	5,001,128,795	19%	101%
	<i>Kinh phí chi tiền lương và các khoản đóng góp theo tiền lương, chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý, các khoản chi khác</i>	21,344,000,000	4,991,128,795	23%	101%
	<i>Trong đó: Đã bao gồm kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương</i>	145,200,000		0%	0%
	<i>+Kinh phí tiết kiệm thêm 10% bổ sung nguồn chi an sinh xã hội</i>	145,200,000		0%	0%
	<i>Tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP</i>	777,230,000		0%	0%
	<i>Cấp bù học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP</i>	128,000,000		0%	0%
	<i>Hỗ trợ chi phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP</i>	1,276,000,000		0%	0%
	<i>Hỗ trợ học sinh thôn, xã đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP</i>	2,082,000,000		0%	0%
	<i>Hỗ trợ cho người khuyết tật theo TTLT số 42/2013/TTLT</i>	434,000,000		0%	0%
	<i>Gia hạn phần mềm kế toán Misa</i>	10,000,000	10,000,000	100%	100%
	<i>Phần mềm quản lý tài sản</i>	17,000,000		0%	0%
	<i>Phần mềm quản lý cán bộ</i>	12,000,000		0%	0%